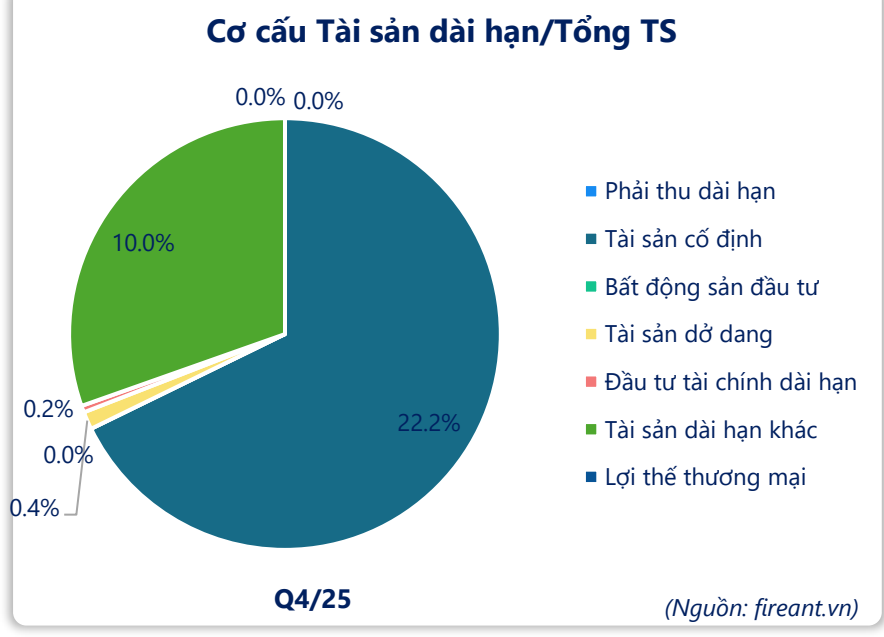
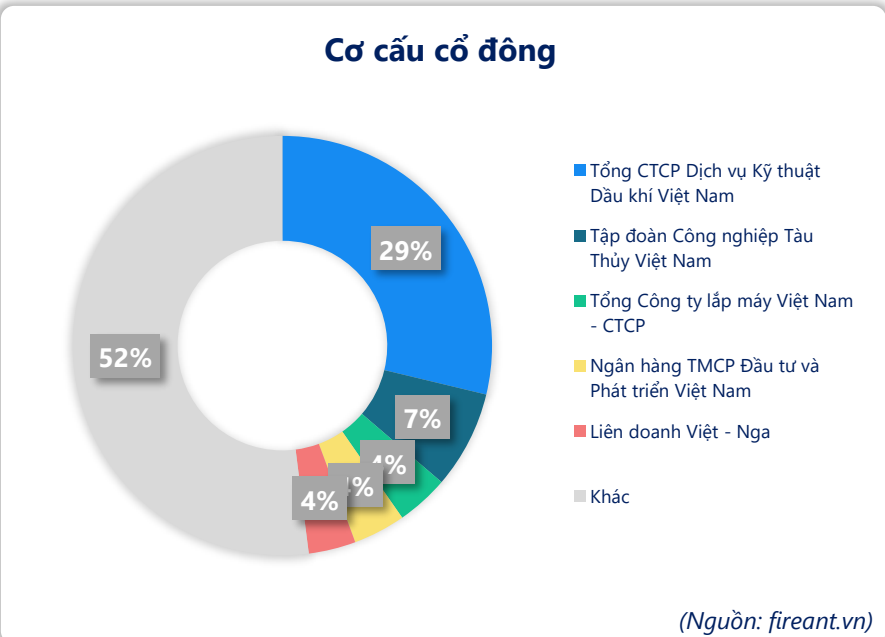
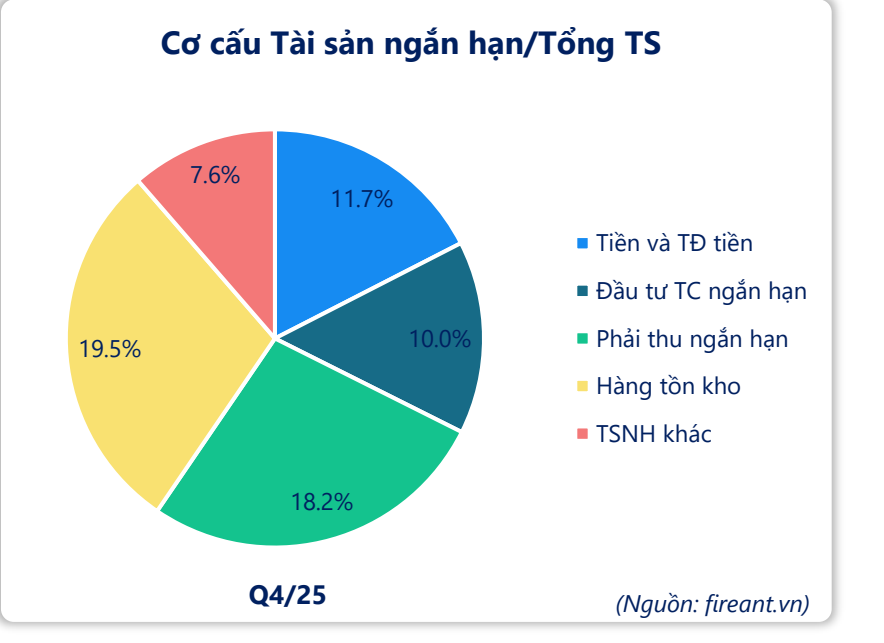
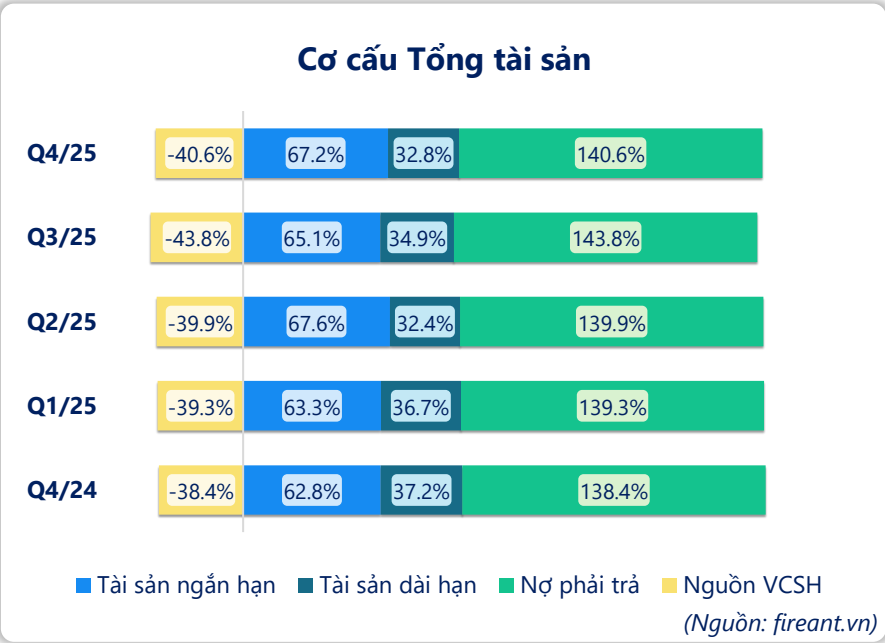
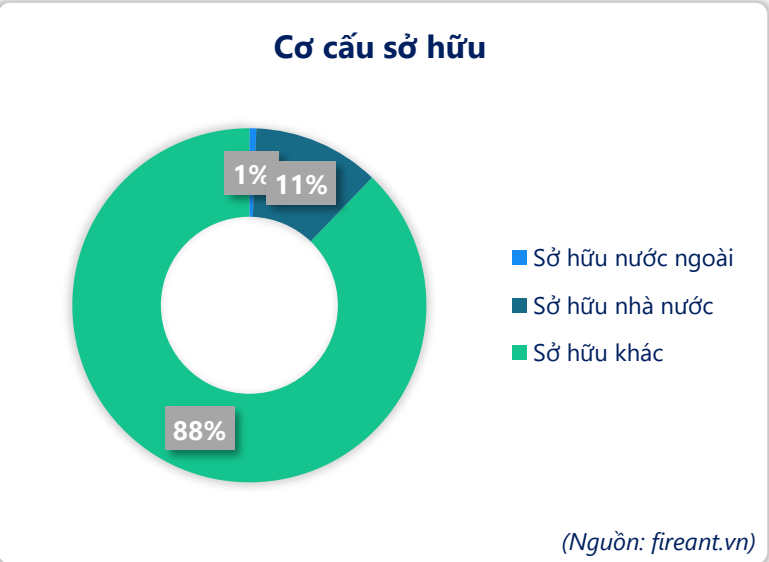
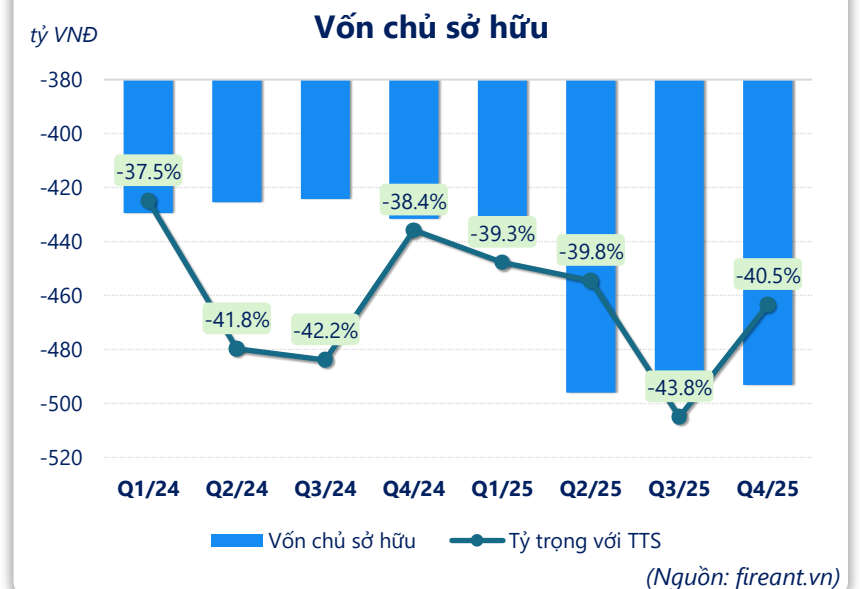
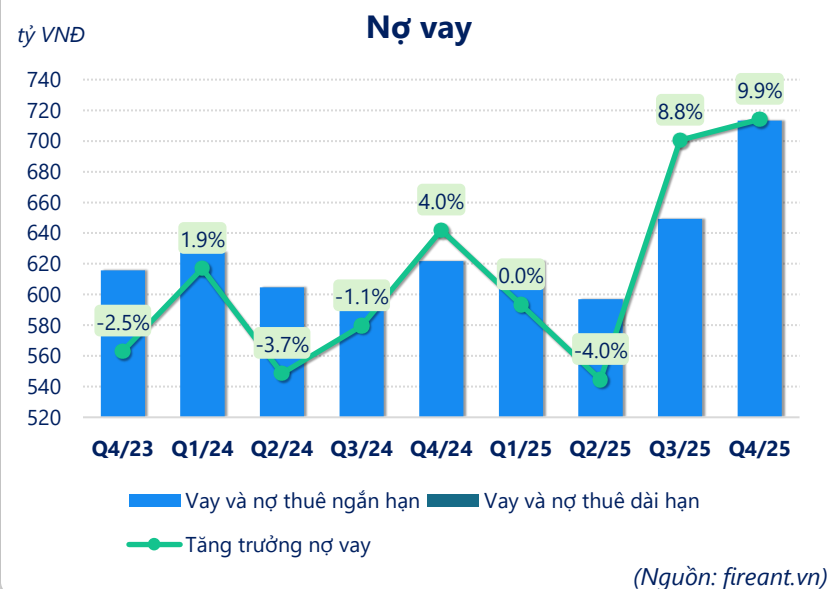
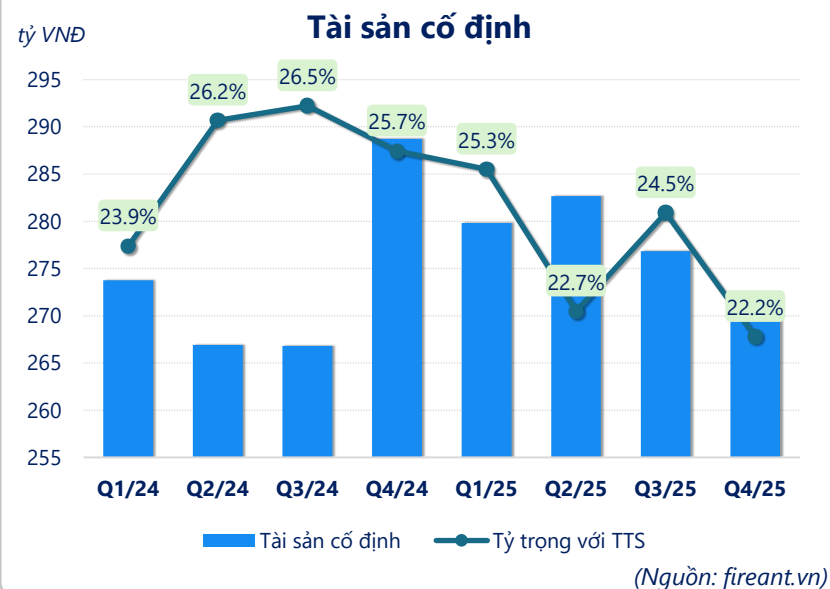
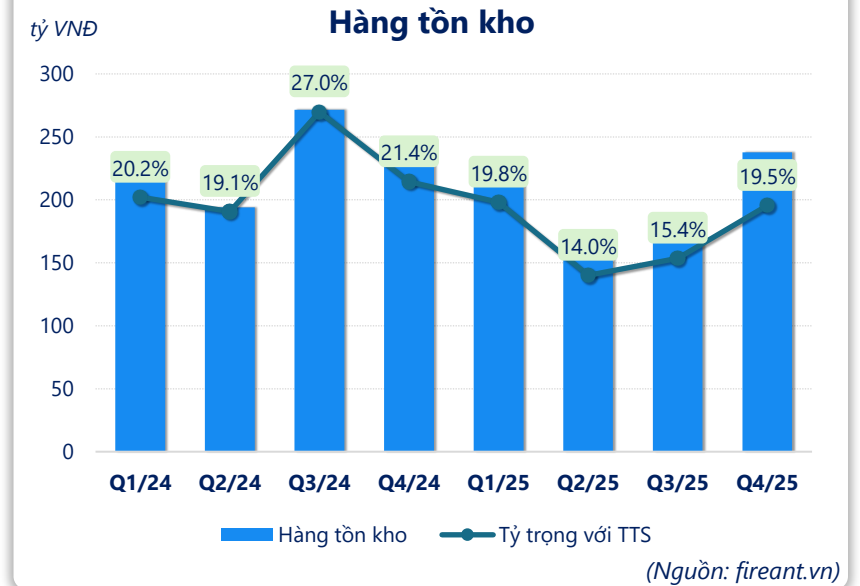
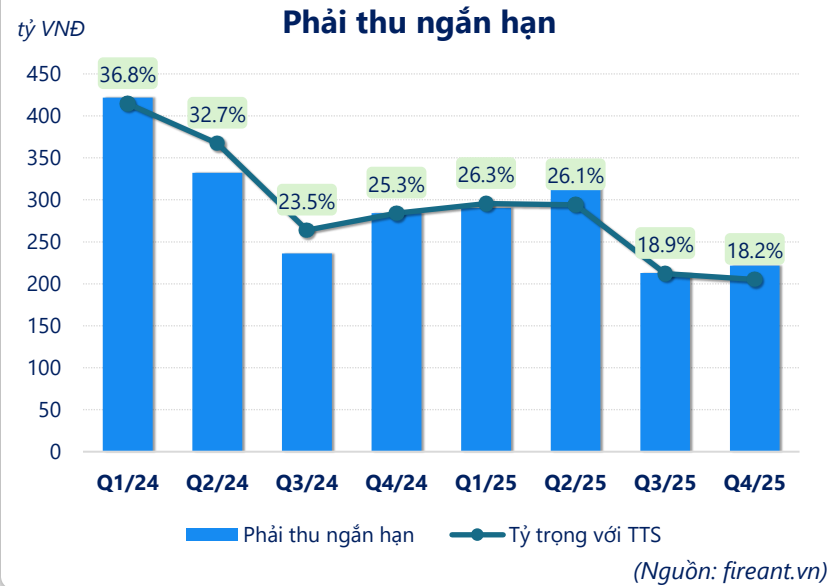
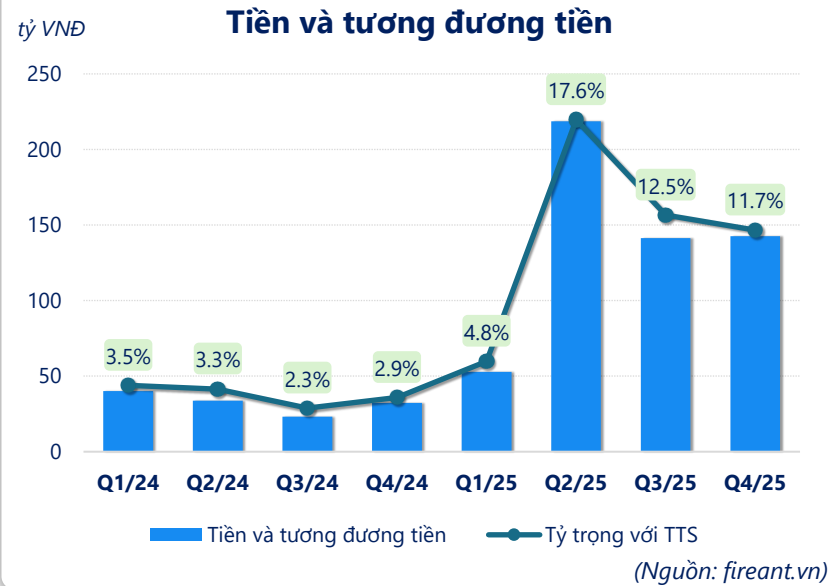
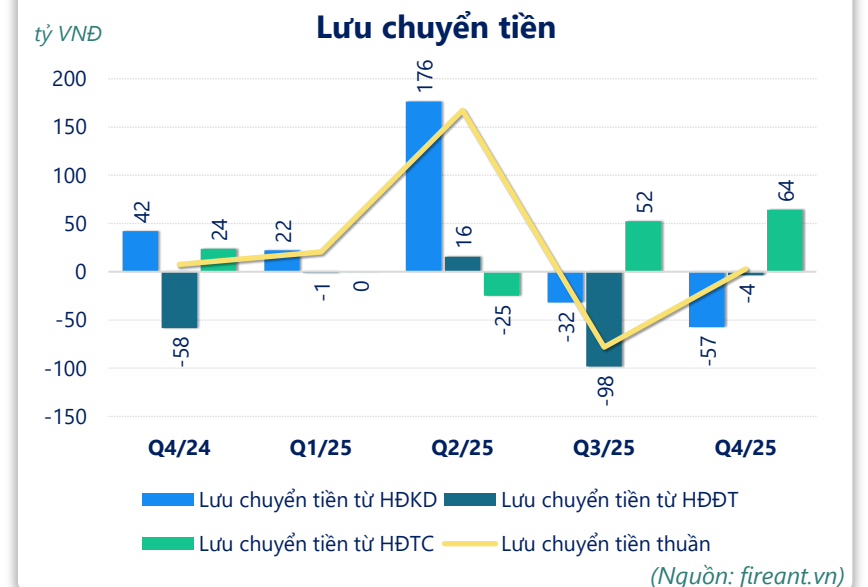
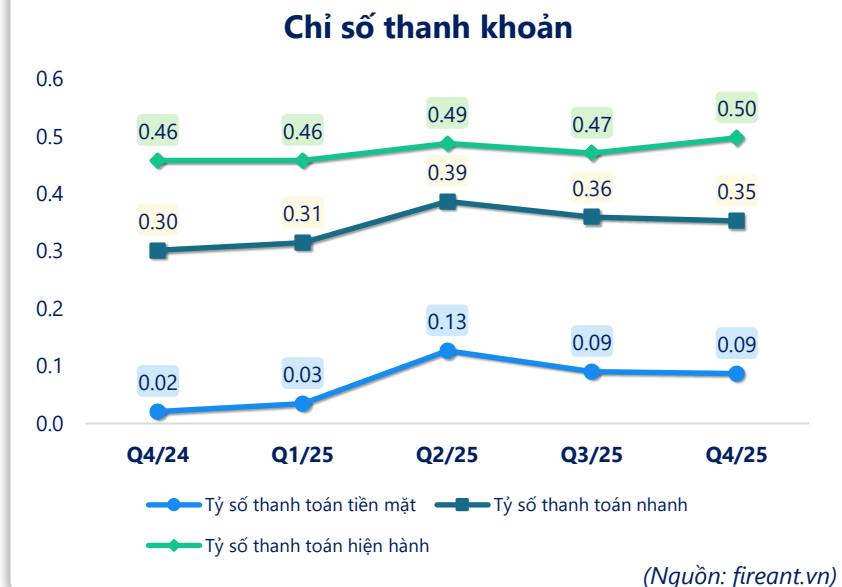
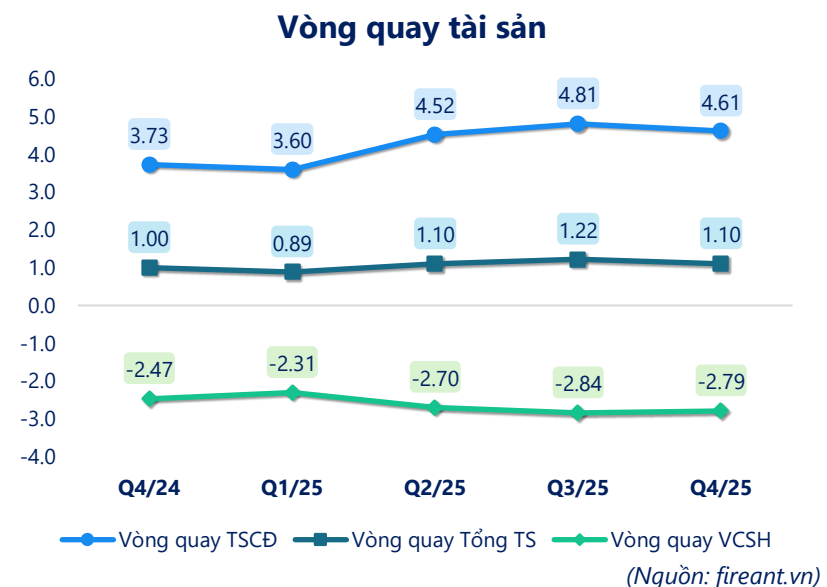
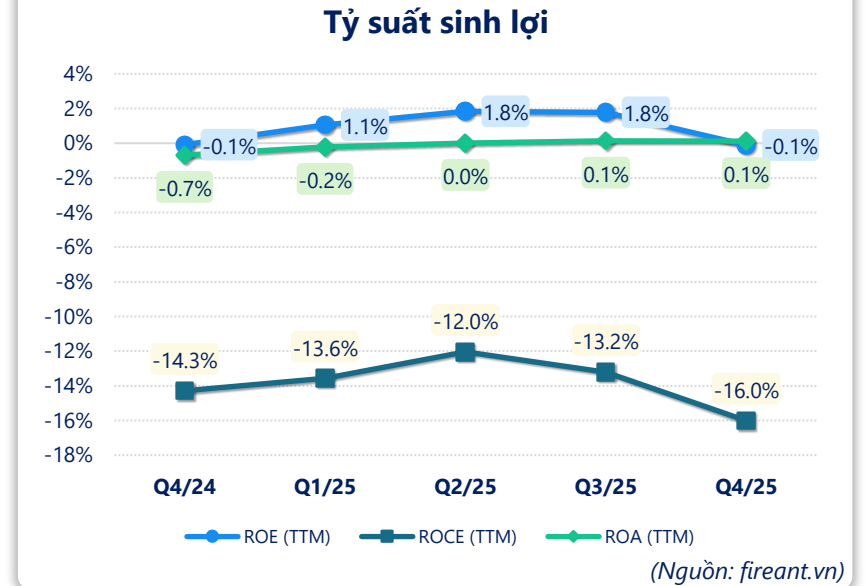
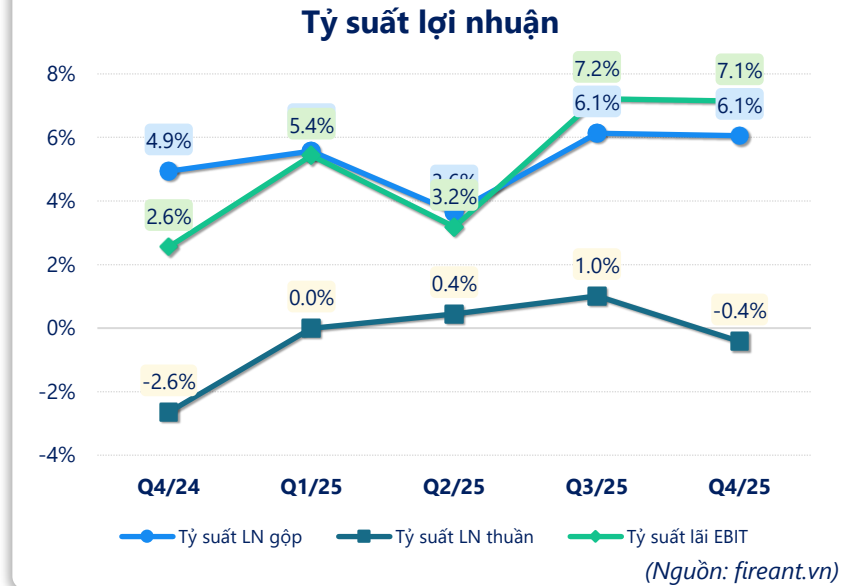
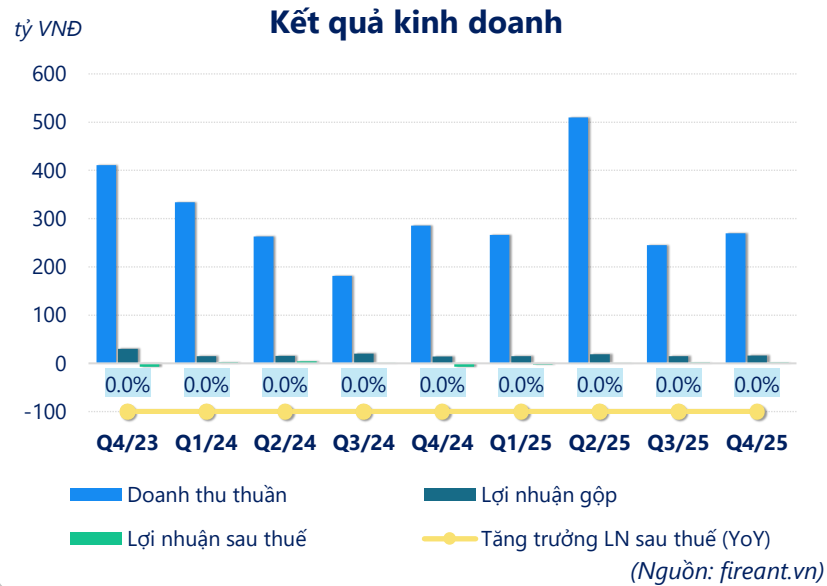


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
SL cổ phiếu LH		59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)		505
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		113
P/E		240.6
EPS		8

	YTD	1T	3T	6T
PVY	-20.8%	0.0%	-9.5%	-17.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,216	1,122	8.4%
Tài sản ngắn hạn	817	704	16.1%
Tiền và tương đương tiền	143	32.2	343%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	122	51.7	136%
Phải thu ngắn hạn	222	282	-21.3%
Hàng tồn kho	238	241	-1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	92.9	97.2	-4.4%
Tài sản dài hạn	399	418	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	270	289	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.29	3.48	52.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	121	124	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,709	1,554	10.0%
Nợ ngắn hạn	1,643	1,540	6.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	713	622	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	290	379	-23.4%
Nợ dài hạn	66.2	13.7	382%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-493	-432	-14.2%
Vốn chủ sở hữu	-493	-432	-14.2%
Vốn điều lệ	595	595	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	-0.05	-0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	286	266	509	245	269
Giá vốn hàng bán	272	251	491	230	253
Lợi nhuận gộp	14.1	14.8	18.6	15.0	16.3
Doanh thu HĐTC	4.75	2.27	2.45	6.59	2.58
Chi phí TC	16.3	15.6	14.9	15.5	16.3
Chi phí lãi vay	14.6	14.3	14.4	14.4	15.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.2	1.57	3.83	3.65	3.72
LN thuần từ HĐKD	-7.56	-0.02	2.26	2.48	-1.12
Lợi nhuận khác	0.29	0.15	-0.37	0.76	4.73
LN trước thuế	-7.28	0.13	1.89	3.24	3.61
Lợi nhuận sau thuế	-7.28	-2.47	0.09	1.47	1.38
LNST của CĐ cty mẹ	-7.28	-2.47	0.09	1.47	1.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.0	22.2	176	-32.1	-57.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.3	-1.49	15.6	-98.4	-3.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	23.8	0.00	-24.8	52.3	64.1
Tiền đầu kỳ	23.2	32.2	52.9	219	141
Lưu chuyển tiền thuần	7.52	20.7	167	-78.1	3.09
Ảnh hưởng tỷ giá	1.46	-0.03	-1.46	0.76	-1.75
Tiền cuối kỳ	32.2	52.9	219	141	143

(Nguồn: fireant.vn)